

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung
xã Mường Khiêng, tỉnh Sơn La đến năm 2045

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024; Luật số 144/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 1681/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Sơn La năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định về định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của UBND tỉnh điều chỉnh quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 28/4/2025 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Kế hoạch lập quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2025 - 2030;

Theo đề nghị của UBND xã Mường Khiêng tại Tờ trình số 77/TTr-UBND ngày 07/5/2026; Báo cáo thẩm định số 440/BC-SXD ngày 05/5/2026 của Sở Xây

dựng; Kết quả biểu quyết của Thành viên UBND tỉnh tại Báo cáo số 319/BC-VPUB ngày 29/5/2026 của Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xã Mường Khiêng, tỉnh Sơn La đến năm 2045 với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

1.1. Phạm vi, ranh giới: Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch được xác định trên toàn bộ địa giới hành chính xã Mường Khiêng, tỉnh Sơn La có vị trí ranh giới như sau:

- Phía Bắc: Giáp các xã Mường Sại, Chiềng Lao, Mường La, tỉnh Sơn La.
- Phía Nam: Giáp phường Chiềng An, tỉnh Sơn La.
- Phía Đông: Giáp xã Mường La, Mường Bú, tỉnh Sơn La.
- Phía Tây: Giáp xã Chiềng La, tỉnh Sơn La.

1.2. Quy mô: Lập quy hoạch trên toàn bộ địa giới hành chính xã Mường Khiêng sau sắp xếp với tổng diện tích tự nhiên khoảng 20.420 ha.

1.3. Thời hạn lập quy hoạch: Thời hạn quy hoạch đến năm 2045; phân kỳ thực hiện gồm: giai đoạn ngắn hạn (đến năm 2035) và giai đoạn dài hạn (đến năm 2045).

2. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch

- Cụ thể hóa chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2021-2030, phù hợp với định hướng quy hoạch cấp độ cao hơn và các quy hoạch ngành, lĩnh vực liên quan.

- Định hướng phát triển không gian toàn xã theo hướng đồng bộ, bền vững; phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế về tự nhiên, tài nguyên và bản sắc văn hóa; thúc đẩy phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu.

- Phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, trong đó cơ cấu lại nông nghiệp gắn với công nghiệp, dịch vụ; hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; nâng cao đời sống Nhân dân, giảm nghèo bền vững, bảo tồn văn hóa, bảo đảm quốc phòng - an ninh.

- Làm công cụ quản lý phát triển, kiểm soát không gian toàn xã; làm căn cứ lập quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư xây dựng và là cơ sở pháp lý để các cơ quan, chính quyền địa phương tổ chức quản lý quy hoạch, đất đai, trật tự xây dựng theo quy hoạch được duyệt và quy định của pháp luật.

3. Tính chất, vai trò, chức năng khu vực lập quy hoạch

- Phát triển xã Mường Khiêng thành xã có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với du lịch tham quan trải nghiệm, du lịch

cộng đồng, phát triển nông thôn theo hướng dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; quốc phòng và an ninh, trật tự được giữ vững.

- Các khu chức năng chính trên địa bàn xã Mường Khiêng như: Khu trung tâm hành chính xã, khu ở dân cư, khu sản xuất và phục vụ sản xuất, khu dự trữ phát triển, khu công viên, cây xanh, thể dục thể thao, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các khu chức năng khác.

4. Sơ bộ dự báo phát triển

4.1. Dự báo quy mô dân số: Đến năm 2030 khoảng 26.119 người; đến năm 2045 khoảng 31.375 người.

4.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật: Thực hiện theo QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng và các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan (*Trường hợp trong quá trình nghiên cứu lập quy hoạch, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng và các quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan được cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định chuyển tiếp được quy định hoặc rà soát, thực hiện theo quy chuẩn, tiêu chuẩn mới được ban hành*).

5. Các yêu cầu cần nghiên cứu đối với nội dung quy hoạch

5.1. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế - xã hội

- Phân tích đánh giá các đặc điểm tự nhiên về địa hình, khí hậu, thủy văn, địa chất..., đặc điểm cảnh quan sinh thái, tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên văn hóa, du lịch của xã Mường Khiêng và các khu vực phụ cận có ảnh hưởng đến định hướng phát triển xã. Đánh giá những tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu ngập, úng, lũ ống, lũ quét có thể xảy ra trên địa bàn làm cơ sở đề xuất các giải pháp quy hoạch để ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu. Đánh giá về quỹ đất xây dựng trên cơ sở phân vùng xây dựng thuận lợi, không thuận lợi và cấm xây dựng.

- Đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội: Thực trạng phát triển kinh tế trong các lĩnh vực nông nghiệp và phi nông nghiệp; hiện trạng dân cư, hiện trạng phân bố khu dân cư nông thôn, đô thị (*nếu có*) và các khu chức năng; sự biến động về dân số; hiện trạng lao động, việc làm,...

- Đánh giá hiện trạng sử dụng và quản lý đất đai: Thống kê hiện trạng sử dụng đất khu vực lập quy hoạch; phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng đất và các vấn đề tồn tại về sử dụng đất, cảnh quan không gian cần giải quyết để đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Đánh giá hiện trạng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh trên địa bàn xã (*nếu có*).

- Đánh giá hiện trạng, năng lực phục vụ và mức độ đáp ứng của hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; xác định các công trình, lĩnh vực hạ tầng còn

thiếu, yếu hoặc chưa đồng bộ; làm rõ nhu cầu đầu tư, nâng cấp, cải tạo trong thời kỳ quy hoạch.

- Đánh giá hiện trạng tài nguyên và môi trường, xác định những vấn đề tồn tại liên quan để có giải pháp quy hoạch, quản lý, sử dụng phù hợp.

- Rà soát tình hình triển khai các chương trình dự án đầu tư phát triển trên địa bàn xã; đánh giá công tác quản lý thực hiện các quy hoạch (*kết quả thực hiện quy hoạch nông thôn trong giai đoạn trước, làm rõ kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; các nội dung chưa phù hợp, cần điều chỉnh,...*), quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Đánh giá tổng hợp hiện trạng, đề xuất các nội dung trọng tâm cần nghiên cứu, các vấn đề tồn tại cần giải quyết trong giai đoạn mới.

5.2. Xác định động lực và tiềm năng phát triển của xã

- Điều kiện tự nhiên và tài nguyên: Các điều kiện về đất đai, khí hậu, nguồn nước, cảnh quan môi trường,... để định hướng phát triển nông nghiệp chuyên canh, du lịch sinh thái, phát triển kinh tế nông lâm kết hợp,...

- Vị trí địa lý và kết nối vùng: Xác định tiềm năng về hệ thống giao thông, tiếp giáp các khu đô thị, khu công nghiệp, chợ đầu mối,... làm cơ sở xác định phát triển cụm công nghiệp nông thôn, dịch vụ hậu cần nông nghiệp, logistics nông sản,...

- Lực lượng lao động và nguồn nhân lực: Các tiềm năng về lao động và nguồn lao động, khả năng chuyển đổi ngành nghề tạo điều kiện cho phát triển làng nghề, hợp tác xã nông nghiệp,...

- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội: Tiềm năng về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội làm cơ sở thu hút đầu tư, phục vụ sản xuất và cải thiện chất lượng cuộc sống,...

- Văn hóa - xã hội và cộng đồng: Tiềm năng về bản sắc văn hóa dân tộc, lễ hội, sự đoàn kết của các dân tộc làm cơ sở phát triển du lịch cộng đồng, bảo tồn văn hóa các dân tộc.

- Chính sách và hỗ trợ từ nhà nước: Xác định xã có nằm trong các vùng quy hoạch trọng điểm để được ưu tiên đầu tư từ ngân sách và các chương trình mục tiêu.

- Tác động, yêu cầu của định hướng, phương hướng, quy hoạch phát triển nông nghiệp, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh đối với việc lập quy hoạch chung xã.

5.3. Dự báo phát triển

- Dự báo phát triển kinh tế của xã về nông nghiệp; Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; Thương mại, dịch vụ, du lịch;

- Dự báo quy mô dân số, lao động, số hộ cho giai đoạn quy hoạch 20 năm;

- Dự báo nhu cầu sử dụng đất cho các loại đất nông nghiệp, đất xây dựng;

- Dự báo các vấn đề về môi trường trong thời kỳ quy hoạch;
- Dự báo các rủi ro biến động và thảm họa thiên nhiên.

5.4. Định hướng phát triển không gian: Xác định cấu trúc không gian tổng thể và định hướng phát triển các khu chức năng trên địa bàn xã, bao gồm: khu trung tâm xã, khu dân cư hiện hữu, khu dân cư phát triển mới, khu vực sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, thương mại, dịch vụ, du lịch (nếu có), các khu chức năng hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn, các khu vực bảo tồn cảnh quan, văn hóa, lịch sử và các khu vực dự trữ phát triển. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã, mạng lưới điểm dân cư, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và không gian cảnh quan trên cơ sở khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương, bảo đảm sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả và phát triển bền vững.

5.5. Định hướng sử dụng đất quy hoạch: Xác định quy mô sử dụng đất quy hoạch trên cơ sở phù hợp với hiện trạng sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh. Xác định diện tích đất cho nhu cầu phát triển theo các giai đoạn và các thông số kỹ thuật chính cho từng loại đất, cụ thể: đất nông nghiệp, đất xây dựng và các loại đất khác.

5.6. Yêu cầu quản lý, định hướng kiến trúc cảnh quan, quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn: Xác định các nguyên tắc quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan và tổ chức hệ thống điểm dân cư trên địa bàn xã; định hướng kiến trúc cảnh quan đối với các khu vực trung tâm xã, khu dân cư hiện hữu, khu dân cư phát triển mới, các khu vực có giá trị văn hóa, lịch sử, cảnh quan đặc trưng và các khu vực trọng điểm phát triển. Đề xuất các yêu cầu quản lý nhằm bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương, bảo vệ cảnh quan môi trường và làm cơ sở xây dựng, ban hành các quy định về quản lý kiến trúc theo quy định của pháp luật và Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ.

5.7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

5.7.1. Chuẩn bị kỹ thuật: Đề xuất các giải pháp cao độ nền và thoát nước mặt hợp lý; đảm bảo an toàn về phòng, chống ngập, lụt, các hiểm họa thiên tai...nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu. Khoanh vùng các khu vực cấm hoặc hạn chế xây dựng do cấu tạo về địa chất, địa hình, thiên tai hoặc liên quan đến các di tích lịch sử, văn hóa, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật.

5.7.2. Về giao thông: Định hướng phát triển, tổ chức mạng lưới giao thông đối ngoại, giao thông nông thôn đảm bảo kết nối đồng bộ, đặc biệt là giao thông phục vụ sản xuất, logistics,...; phân loại, phân cấp các tuyến đường và đề xuất giải pháp thiết kế; xác định vị trí, quy mô và số lượng các công trình đầu mối giao thông. Xác định khối lượng đầu tư, danh mục ưu tiên đầu tư, khái toán kinh phí.

5.7.3. Về hệ thống cấp điện, cung cấp năng lượng: Xác định nhu cầu cấp điện; xây dựng phương án phát triển mạng lưới điện trên địa bàn xã (*nguồn điện, lưới điện, phương án liên kết lưới điện giữa vùng với các khu vực trong tỉnh và với các tỉnh lân cận,...*); định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển các công

trình năng lượng, điện lực; đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kết cấu hạ tầng cung cấp năng lượng, điện. Xác định khối lượng đầu tư, danh mục ưu tiên đầu tư, khái toán kinh phí.

5.7.4 Về cấp nước: Phân tích đánh giá tài nguyên nước, đề xuất các giải pháp cấp nước, bảo vệ nguồn nước. Xác định tiêu chuẩn và nhu cầu dùng nước trong sản xuất, trong sinh hoạt; dự kiến nguồn cấp, công trình đầu mối, mạng lưới đường ống cấp nước, cấp nước chữa cháy và các thông số kỹ thuật đảm bảo phù hợp với các quy hoạch cấp độ cao hơn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành. Định hướng nhu cầu sử dụng đất phục vụ xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình cấp nước, các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo tồn sinh thái có liên quan đến phát triển kết cấu hạ tầng cấp nước. Xác định khối lượng đầu tư, danh mục ưu tiên đầu tư, khái toán kinh phí.

5.7.5. Về thoát nước và xử lý nước thải: Xác định tiêu chuẩn và dự báo khối lượng thoát nước thải; định hướng hệ thống thu gom, thoát nước mặt, thu gom và xử lý nước thải đảm bảo phù hợp với các quy hoạch cấp độ cao hơn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành. Định hướng nhu cầu sử dụng đất phục vụ xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình xử lý nước thải. Xác định khối lượng đầu tư, danh mục ưu tiên đầu tư, khái toán kinh phí.

5.7.6. Về quản lý chất thải: Dự báo các nguồn phát thải, thành phần, tính chất và tổng khối lượng các loại chất thải rắn đến năm 2045; đề xuất phương án thu gom, lưu giữ, phân loại, tái chế, tái sử dụng và xử lý chất thải rắn phát sinh từ sinh hoạt, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng và các ngành dịch vụ. Định hướng quy hoạch các điểm tập kết, trạm trung chuyển, khu xử lý chất thải rắn,... phù hợp với quy hoạch cấp độ cao hơn, các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và các quy định pháp luật khác liên quan. Đề xuất nhiệm vụ, giải pháp quản lý chất thải rắn theo phương án xử lý chất thải rắn. Xác định khối lượng đầu tư, danh mục ưu tiên đầu tư, khái toán kinh phí.

5.7.7. Về nghĩa trang: Dự báo nhu cầu sử dụng đất nghĩa trang đến năm 2045; đề xuất phương án quy hoạch nghĩa trang trên cơ sở các nghĩa trang hiện có để quy hoạch mới, quy hoạch mở rộng, chỉnh trang hoặc đóng cửa đảm bảo phù hợp với quy hoạch cấp độ cao hơn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành; đề xuất nhiệm vụ, giải pháp quản lý nghĩa trang. Xác định khối lượng đầu tư, danh mục ưu tiên đầu tư, khái toán kinh phí.

5.7.8. Về hạ tầng viễn thông thụ động: Dự báo nhu cầu, định hướng phát triển hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động trên địa bàn xã đảm bảo phù hợp với quy hoạch cấp độ cao hơn, các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và các quy định pháp luật khác liên quan; định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển kết cấu hạ tầng viễn thông thụ động trên địa bàn xã và các công trình có liên quan; đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp phát triển hạ tầng viễn thông thụ động. Xác định khối lượng đầu tư, danh mục ưu tiên đầu tư, khái toán kinh phí.

5.7.9. Về hạ tầng phục vụ sản xuất: Dự báo nhu cầu, định hướng phát triển, bố trí quỹ đất hạ tầng phục vụ sản xuất trên địa bàn xã đảm bảo phù hợp với quy hoạch cấp độ cao hơn, các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và các quy

định pháp luật khác liên quan. Xác định khối lượng đầu tư, danh mục ưu tiên đầu tư, khái toán kinh phí.

5.7.10. Về các hạ tầng kỹ thuật khác:

- Về hạ tầng phòng cháy, chữa cháy: Định hướng phát triển trục giao thông, tuyến truyền dẫn cấp nước, tuyến thông tin viễn thông phục vụ phòng cháy, chữa cháy và mạng lưới trụ sở đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (*nếu có*),...phù hợp với quy hoạch cấp độ cao hơn, các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và các quy định pháp luật khác liên quan.

- Về phát triển kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi: Xác định, cảnh báo những vùng có nguy cơ ảnh hưởng do thiên tai sạt lở đất, lũ ống, lũ quét do biến đổi khí hậu gây ra. Xác định, phân vùng thủy lợi phù hợp với nguyên tắc quản lý nguồn nước theo lưu vực sông, suối. Rà soát, cập nhật, bổ sung phương án phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi và đảm bảo sự liên kết giữa hệ thống kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi với hệ thống kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực có liên quan trong vùng đảm bảo tính bền vững và hiệu quả của các công trình. Định hướng nhu cầu sử dụng đất phục vụ xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi, công trình phòng, chống thiên tai và các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo tồn sinh thái có liên quan đến phát triển kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi. Rà soát, cập nhật, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi. Cập nhật và xây dựng danh mục các dự án quan trọng các cấp (*theo quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành*) theo thứ tự ưu tiên.

5.8. Định hướng phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên

- Phân vùng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên trong vùng.
- Rà soát, cập nhật các khu vực khoáng sản theo quy hoạch cấp trên; đề xuất định hướng quản lý, bảo vệ và sử dụng tài nguyên.
- Xây dựng danh mục dự án quan trọng theo thứ tự ưu tiên.

5.9. Luận cứ và xác định chương trình, dự án ưu tiên đầu tư: Xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn xã theo từng giai đoạn quy hoạch, phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, khả năng huy động nguồn lực và nhu cầu đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng. Dự kiến nhu cầu vốn và định hướng huy động các nguồn lực thực hiện, bao gồm nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

5.10. Đề xuất giải pháp thực hiện quy hoạch: Đề xuất các giải pháp thực hiện quy hoạch đảm bảo việc thực hiện quy hoạch hiệu quả.

5.11. Đề xuất các giải pháp về bảo vệ môi trường: Quy hoạch chung cần phải thực hiện đồng bộ với đánh giá môi trường. Thiết lập các khu vực bảo vệ, phục hồi môi trường do tác động của hoạt động đầu tư xây dựng công trình; yêu cầu về quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm trong quá trình đầu tư xây dựng theo quy hoạch. Nghiên cứu tích hợp với kịch bản ứng phó biến đổi khí hậu, đưa ra các giải pháp môi trường, các khuyến cáo sử dụng đất, cơ chế chính sách,

nguồn lực, nhằm giảm thiểu các thiệt hại trong trường hợp thiên tai hoặc biến đổi môi trường lớn xảy ra.

6. Các yêu cầu về Hồ sơ, sản phẩm quy hoạch

- Thành phần hồ sơ, quy cách và định dạng của hồ sơ: Thực hiện theo Điều 2, Điều 12, Phụ lục I và II Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn (*được sửa đổi tại khoản 1, khoản 2 và khoản 7 Điều 1 Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025*).

- Số lượng hồ sơ quy hoạch: 07 bộ.

7. Các yêu cầu, nguyên tắc về lấy ý kiến

7.1. Yêu cầu về nội dung: Lấy ý kiến về nội dung đề án Quy hoạch chung xã Mường Khiêng, tỉnh Sơn La đến năm 2045; đối với những nội dung thuộc bí mật nhà nước trong đề án quy hoạch (*nếu có*) phải bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

7.2. Về đối tượng, hình thức, thời gian lấy ý kiến: Thực hiện theo quy định tại Điều 37 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024 và các quy định của pháp luật hiện hành.

(Có Thuyết minh nhiệm vụ Quy hoạch chung kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND xã Mường Khiêng (cơ quan tổ chức lập quy hoạch):

- Tổ chức lập Đề án Quy hoạch chung xã Mường Khiêng, tỉnh Sơn La đến năm 2045 đảm bảo tiến độ, chất lượng và các quy định hiện hành. Chịu trách nhiệm toàn diện về chất lượng, nội dung, số liệu trình phê duyệt.

- Về dự toán kinh phí lập quy hoạch: Trên cơ sở Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng, UBND xã Mường Khiêng có trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đảm bảo các quy định của pháp luật hiện hành; không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực, đơn thư, kiến nghị trong quá trình thực hiện.

2. Sở Xây dựng thẩm định Đề án Quy hoạch chung xã Mường Khiêng, tỉnh Sơn La đến năm 2045 đảm bảo các quy định hiện hành; Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh về nội dung, số liệu thẩm định nhiệm vụ quy hoạch.

3. Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí nguồn vốn để phục vụ công tác lập Đề án quy hoạch.

4. Các Sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực ngành phụ trách có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ UBND xã Mường Khiêng trong việc cung cấp thông tin, số liệu, nội dung phục vụ công tác lập Đề án quy hoạch.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND xã Mường Khiêng; Thủ trưởng các ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cơ quan UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Như Điều 3;
- Văn phòng UBND tỉnh (LĐVP; THKT);
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, THKT, Giang26b.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Minh Tiến